TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2017
V/v Ly hôn giữa chị A và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Kiều Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Quốc Quân
2. Bà Hà Thị Huyền

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐXX- ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc A, sinh năm 1985, địa chỉ: Trường Trung học cơ sở xã CB, huyện QN, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1976, địa chỉ: Tiểu khu 2, xã CN huyện MS, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 31 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Ngọc A trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau từ năm 2011 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân xã CN, MS, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/8/2011, khi kết hôn chị và anh T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không tin tưởng vợ, thường chửi bới, dọa dẫm chị. Ngoài ra còn lý do anh chị không thống nhất trong việc quản lý kinh tế gia

đình và chị không nhận được sự chia sẻ, hỗ trợ từ anh T trong việc nuôi dưỡng con chung. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 10/2016, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Hiện, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 08/6/2012. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N khi ly hôn với anh T và yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

Tại phiên tòa chị giữ nguyên quan điểm đã trình bày: Về tình cảm: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Văn T. Về con chung: Chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Bảo N, rút yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị khi ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 24/8/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Về tình cảm: Anh đồng ý với phần trình bày của chị Ngọc A về quá trình kết hôn, chung sống giữa hai vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo anh là do quan điểm sống bất đồng, những mối quan hệ xã hội của hai vợ chồng không hòa hợp do chị là giáo viên còn anh là người làm kinh tế bên ngoài dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào tháng 9/2016 anh vô tình đọc được những tin nhắn của chị Ngọc A với người cũ nên không còn tin tưởng vợ nữa, anh chị sống ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Ngọc A đã không thể hàn gắn được nữa, anh nhất trí ly hôn theo đơn của chị Ngọc A.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Bảo N sinh ngày 08/6/2012. Anh có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu N khi ly hôn, không yêu cầu chị Ngọc A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên quan điểm: Anh nhất trí ly hôn với chị Ngọc A. Anh nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo N, không yêu cầu chị Ngọc A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Kết quả xác định về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không tin tưởng vợ, nghi ngờ vợ vẫn có qua lại với người cũ. Tình cảm vợ chồng giữa hai bên đã khó hàn gắn được.

Về con chung: Chị Ngọc A và anh T có 01 con chung là cháu gái Phạm Bảo N 5 tuổi. Từ nhỏ cháu sống cùng mẹ trong trường nơi chị Ngọc A công tác, chị Ngọc A là viên chức có thu nhập ổn định có điều kiện nuôi dưỡng cháu đảm bảo hơn anh T là lao động tự do, thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị sống cùng bố mẹ đẻ anh T nên cũng không có tài sản chung gì có giá trị. Anh chị không có nợ chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Ngọc A. Về con chung: Giao cháu Phạm Bảo N sinh ngày 08/6/2016 cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Ngọc A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn Bùi Ngọc A, bị đơn Phạm Văn T để hòa giải giải quyết vụ án. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Bùi Ngọc A và anh Phạm Văn T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011, anh chị đã được UBND xã CN, MS, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/8/2011 (số 150/2011, quyển số 3/2010), khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau

khi kết hôn hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh T không tin tưởng vợ nên dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2016. Chị Ngọc A có đơn xin ly hôn với anh T. Anh T nhất trí ly hôn vì xác định vợ chồng đã không thể hàn gắn được tình cảm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự và điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, chị Ngọc A giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh T, anh T nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa hai bên đã không thể hàn gắn được, cả hai đều không có thiện chí quay lại đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngọc A, xử cho chị Ngọc A được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị Ngọc A và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Bảo N sinh ngày 08/6/2017. Chị Ngọc A và anh T đều có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu anh T cung cấp các chứng cứ chứng minh cho điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung nhưng anh T không thực hiện chỉ cho rằng anh đảm bảo điều kiện nuôi con chung tốt hơn chị Ngọc A. Xét con chung của anh chị là cháu gái hiện còn nhỏ nên cần có mẹ là người trực tiếp quan tâm chăm sóc cháu. Thực tế, từ nhỏ cháu đã sống cùng với mẹ tại trường học nơi chị Ngọc A đang công tác, nghỉ hè mới về ở nhà cùng bố và ông bà nội. Chị Ngọc A là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, anh T không có chu cấp gì. Anh T mới đón cháu về ở tại gia đình từ tháng 5/2017, không cho chị Ngọc A thăm gặp con. Bản thân chị Ngọc A là giáo viên, công việc và thu nhập ổn định, có đủ thời gian và điều kiện chăm sóc tốt nhất cho con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Phạm Bảo N cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết, chị Ngọc A có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng mỗi tháng là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N trưởng thành. Tại phiên tòa, chị Ngọc A rút yêu cầu này, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Xét việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngọc A và anh T xác định không có tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị Ngọc A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Ngọc A và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Chị Ngọc A, anh T có 01 con chung là cháu Phạm Bảo N sinh ngày 08/6/2012.

2.1. Giao cháu Phạm Bảo N cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N trưởng thành.

2.2. Chấp nhận việc chị Ngọc A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

2.3. Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/04637 ngày 03 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CN;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Thị Kiều Anh